

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : Máy điện

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 16/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1E_01	Trần Bình An						
2	002	25TQ1B_03	Nguyễn Đức Anh						
3	003	25TQ1D_05	Bùi Dương Công Bảo						
4	004	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo						
5	005	25TQ1A_03	Nguyễn Phan Gia Bảo						
6	006	25TQ1E_05	Nguyễn Quốc Bảo						
7	007	25TQ1E_06	Nguyễn Thanh Gia Bảo						
8	008	25TQ1B_07	Lương Thành Công						
9	009	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường						
10	010	25TQ1B_09	Lại Quốc Cường						
11	011	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường						
12	012	25TQ1A_05	Trần Chí Cường						
13	013	25TQ1D_08	Võ Duy Cường						
14	014	25TQ1C_06	Nguyễn Nhật Đăng						
15	015	25TQ1C_07	Trần Tấn Đăng						
16	016	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh						
17	017	25TQ1B_10	Nguyễn Thành Danh						
18	018	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt						
19	019	25TQ1B_14	Nguyễn Thành Đạt						
20	020	25TQ1E_10	Thạch Bune Davy						
21	021	25TQ1F_09	Nguyễn Lê Phú Điền						
22	022	25TQ1B_16	Nguyễn Huy Đức						
23	023	25TQ1B_11	Nay Dung						
24	024	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được						
25	025	25TQ1C_05	Nguyễn Danh Dương						
26	026	25TQ1B_12	Phùng Dương						
27	027	25TQ1E_08	Cao Nhật Duy						
28	028	25TQ1F_04	Lê Ngọc Duy						
29	029	25TQ1D_10	Nguyễn Bảo Duy						
30	030	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy						
31	031	25TQ1F_05	Nguyễn Trúc Duy						
32	032	25TQ1F_06	Phạm Đặng Khánh Duy						
33	033	25TQ1D_11	Phạm Khánh Duy						
34	034	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật Duy						

35	035	25TQ1F_10	Nguyễn Minh	Hào						
----	-----	-----------	-------------	-----	--	--	--	--	--	--

Tổng số: **35**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**  
**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Máy điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 16/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	036	25TQ1F_11	Nguyễn Nhật Hào						
2	037	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào						
3	038	25TQ1E_12	Trương Nhật Hào						
4	039	25TQ1B_17	Võ Anh Hào						
5	040	25TQ1F_12	Lê Văn Hào						
6	041	25TQ1D_14	Phan Minh Hiên						
7	042	25TQ1E_13	Lê Chí Hiếu						
8	043	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu						
9	044	25TQ1B_19	Lê Văn Nhật Hòa						
10	045	25TQ1B_18	Thái Huy Hoàng						
11	046	25TQ1A_09	Lê Ngọc Huân						
12	047	25TQ1E_19	Hà Hoàng Hưng						
13	048	25TQ1E_17	Đặng Hoàng Huynh						
14	049	25TQ1B_22	Lý Huỳnh						
15	050	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ Kha						
16	051	25TQ1F_14	Trần Nguyên Kha						
17	052	25TQ1D_16	Hứa Vỹ Khang						
18	053	25TQ1D_17	Lê Trần Nguyên Khang						
19	054	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc Khang						
20	055	25TQ1E_20	Nguyễn Tuấn Khang						
21	056	25TQ1C_10	Nguyễn Văn Khang						
22	057	25TQ1F_15	Nguyễn Văn Vịnh Khang						
23	058	25TQ1F_16	Võ Duy Khang						
24	059	25TQ1E_25	Nguyễn Ngọc Anh Khoa						
25	060	25TQ1B_29	Liêu Huỳnh Lê Luận						
26	061	25TQ1A_54	Nguyễn Chi Lượng						
27	062	25TQ1F_22	Châu Thành Nam						
28	063	25TQ1A_23	Nguyễn Minh Ngọc						
29	064	25TQ1C_27	Nguyễn Hoàng Nhân						
30	065	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng Nhân						
31	066	25TQ1F_25	Huỳnh Bá Nhân						
32	067	25TQ1D_30	Phan Thành Phát						
33	068	25TQ1C_29	Trần Đình Phong						
34	069	25TQ1E_33	Hồ Hoàng Phúc						

35	070	25TQ1A_32	Nguyễn Minh	Quân						
36	071	25TQ1A_31	Lâm Nhật	Quang						
37	072	25TQ1B_35	Nguyễn Ngọc	Quý						
38	073	25TQ1B_36	Dương Hoàng Quý	Quốc						
39	074	25TQ1A_33	Đỗ Trọng	Quý						
40	075	25TQ1E_35	Thạch Lưu Minh	Quyền						
41	076	25TQ1B_37	Huỳnh Nguyễn Thái	Sơn						
42	077	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn	Tài						
43	078	25TQ1F_31	Nguyễn Hữu	Tài						
44	079	25TQ1A_35	Phạm Tấn	Tài						
45	080	25TQ1B_39	Trần Phan Đức	Tài						
46	081	25TQ1C_37	Trần Tấn	Tài						
47	082	25TQ1A_36	Trần Tiến	Tài						
48	083	25TQ1D_37	Từ Tấn	Tài						
49	084	25TQ1C_38	Huỳnh Minh	Tâm						
50	085	25TQ1D_38	Nguyễn Phúc	Tân						
51	086	25TQ1F_32	Lê Huỳnh Quang	Tấn						
52	087	25TQ1C_40	Nguyễn Gia	Thái						
53	088	25TQ1A_38	Phạm Đình	Thái						
54	089	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc	Thái						
55	090	25TQ1F_34	Nguyễn Hiếu	Thắng						

Tổng số: **55**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**

**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Máy điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A07

Ngày thi : 16/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	091	25TQ1C_39	Lâm Duy Thanh						
2	092	25TQ1F_33	Đỗ Đạt Thành						
3	093	25TQ1D_40	Đỗ Tấn Thành						
4	094	25TQ1C_42	Trần Thiện Thê						
5	095	25TQ1E_38	Nguyễn Nhất Thiên						
6	096	25TQ1C_44	Ksor Thing						
7	097	25TQ1A_41	Lê Duy Thịnh						
8	098	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ Thịnh						
9	099	25TQ1F_35	Đặng Huỳnh Anh Thư						
10	100	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thức						
11	101	25TQ1B_45	Nguyễn Anh Tiến						
12	102	25TQ1B_46	Châu Kiều Hoài Tín						
13	103	25TQ1B_47	Trần Hoàng Minh Tính						
14	104	25TQ1A_45	Nguyễn Phú Trọng						
15	105	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng						
16	106	25TQ1A_46	Đặng Minh Trung						
17	107	25TQ1B_48	Huỳnh Quốc Trung						
18	108	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường						
19	109	25TQ1D_41	Nguyễn Mạnh Trường						
20	110	25TQ1D_42	Nguyễn Nhật Trường						
21	111	25TQ1B_49	Nguyễn Nhật Trường						
22	112	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhật Trường						
23	113	25TQ1B_52	Nguyễn Quốc Việt						
24	114	25TQ1A_51	Trần Quốc Việt						
25	115	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc Vinh						
26	116	25TQ1D_45	Phan Thái Vinh						
27	117	25TQ1C_52	Nguyễn Thị Thuý Vy						
28	118	25TQ1F_43	Nguyễn Hoàng Triệu Vỹ						
29	119	25TQ1A_53	Quách Bảo Xuyên						
30	120	25TQ1B_54	Võ Tư Ý						

Tổng số: **30**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

Giám thị 1

Giám thị 2

Duyệt  
Trưởng khoa

Thư ký khoa

- 121. 24TQIF-31 Đoàn Hoàng Phúc
- 122. 24TQIF-49 Lê Nguyễn Trí Vỹ
- 123. 24TQIG-02 Trần Minh Ân
- 124. 24TQIG-07 Lương Trường Chinh

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Pháp luật**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 17/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1E_01	Trần Bình An						
2	002	25TQ1D_11	Phạm Khánh Duy						
3	003	25TQ1E_14	Phan Hoàng Chí Hiếu						
4	004	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài						
5	005	25TQ1E_15	Huỳnh Huy Hoàng						
6	006	25TQ1F_16	Võ Duy Khang						
7	007	25TQ1A_14	Trần Võ Đăng Khương						
8	008	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê						
9	009	25TQ1D_35	Nguyễn Hồ Hoài Sang						
10	010	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn Tài						
11	011	24TQ1A_49	Triệu Cảnh Vinh						
12	012	25TQ1F_43	Nguyễn Hoàng Triệu Vỹ						

Tổng số: **156**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: .....

Số bài thi: .....

Số sinh vắng mặt: .....

Số tờ giấy thi: .....

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**

**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**CÁC SINH VIÊN/ HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Mạch điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A04

Ngày thi : 18/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1E_01	Trần Bình An						
2	002	25TQ1C_01	Lê Tuấn Anh						
3	003	25TQ1A_04	Trần Xuân Bắc						
4	004	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo						
5	005	25TQ1E_04	Nguyễn Đức Huy Bảo						
6	006	25TQ1C_06	Nguyễn Nhật Đăng						
7	007	25TQ1C_07	Trần Tấn Đăng						
8	008	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh						
9	009	25TQ1E_09	Nguyễn Hà Duy						
10	010	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy						
11	011	25TQ1F_07	Phạm Thanh Hoài Duy						
12	012	25TQ1F_10	Nguyễn Minh Hào						
13	013	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào						
14	014	25TQ1E_19	Hà Hoàng Hưng						
15	015	25TQ1C_08	Huỳnh Lê Xuân Huy						
16	016	25TQ1C_09	Tăng Gia Huy						
17	017	25TQ1E_17	Đặng Hoàng Huynh						
18	018	25TQ1B_22	Lý Huỳnh						
19	019	25TQ1A_10	Bạch Hoàng Kha						
20	020	25TQ1A_11	Đào Minh Kha						
21	021	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha						
22	022	25TQ1F_13	Nguyễn Vũ Kha						
23	023	25TQ1C_11	Bùi Minh Khải						
24	024	25TQ1B_26	Nguyễn Doãn Hữu Khang						
25	025	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc Khang						
26	026	25TQ1E_24	Nguyễn Đức Anh Khoa						
27	027	25TQ1A_13	Hồ Đăng Khôi						
28	028	25TQ1C_12	Nguyễn Phan Trường Khôi						
29	029	25TQ1E_26	Vương Nhật Khôi						
30	030	25TQ1C_14	Đoàn Tuấn Kiệt						

Tổng số: **30**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**  
**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Mạch điện**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 18/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	031	25TQ1C_15	Lê Anh Kiệt						
2	032	25TQ1A_17	Lương Thanh Lâm						
3	033	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn Lợi						
4	034	25TQ1D_25	Võ Thành Long						
5	035	25TQ1C_19	Bùi Văn Nam						
6	036	25TQ1A_20	Nguyễn Hoàng Nam						
7	037	25TQ1A_22	Lê Trọng Nghĩa						
8	038	25TQ1C_22	Nguyễn Hồng Ngoan						
9	039	25TQ1C_23	Đào Nguyên						
10	040	25TQ1C_25	Nguyễn Chí Nguyễn						
11	041	25TQ1C_26	Đoàn Thanh Nhã						
12	042	25TQ1E_30	Lê Chí Nhân						
13	043	25TQ1C_56	Nguyễn Ngọc Nhân						
14	044	25TQ1F_27	Nguyễn Tấn Phát						
15	045	25TQ1E_33	Hồ Hoàng Phúc						
16	046	25TQ1C_33	Nguyễn Nhật Phúc						
17	047	25TQ1D_35	Nguyễn Hồ Hoài Sang						
18	048	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn Tài						
19	049	25TQ1B_40	Lý Thanh Tân						
20	050	25TQ1C_41	Phan Vĩ Thái						
21	051	25TQ1D_39	Trương Minh Quốc Thái						
22	052	25TQ1C_44	Ksor Thing						
23	053	25TQ1C_45	Huỳnh Công Thịnh						
24	054	25TQ1A_43	Lê Huỳnh Vũ Thịnh						
25	055	25TQ1F_36	Đỗ Duy Thức						
26	056	25CS1A_48T	Nguyễn Phạm Minh Trí						
27	057	25TQ1F_37	Lê Phát Triển						
28	058	25TQ1C_49	Võ Thành Trọng						
29	059	25TQ1A_47	Đỗ Quang Trường						
30	060	25TQ1B_49	Nguyễn Nhật Trường						
31	061	25TQ1B_50	Nguyễn Trần Nhật Trường						
32	062	25TQ1C_50	Đào Tuấn						
33	063	25TQ1E_39	Dương Gia Vĩ						
34	064	25TQ1A_51	Trần Quốc Việt						

35	065	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc Vinh						
36	066	25TQ1F_43	Nguyễn Hoàng Triệu Vỹ						
37	067	25TQ1A_53	Quách Bảo Xuyên						
38	068	25TQ1B_54	Võ Tư Ý						

Tổng số: **38**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**  
**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

## DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

Tên môn : Chính trị

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 19/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_20	Đoàn Văn Huy						
2	002	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha						
3	003	25TQ1D_22	Chung Gia Kiệt						
4	004	25TQ1E_30	Lê Chí Nhân						
5	005	25TQ1D_35	Nguyễn Hồ Hoài Sang						
6	006	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn Tài						
7	007	25TQ1A_35	Phạm Tấn Tài						

Tổng số: **56**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**

**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**CÁC SINH VIÊN/ HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Tiếng anh**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A05

Ngày thi : 20/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1B_01	Nguyễn Đức An						
2	002	25TQ1D_01	Trần Quốc An						
3	003	25TQ1D_03	Lê Tuấn Anh						
4	004	25TQ1D_02	Lê Tuấn Anh						
5	005	25TQ1E_03	Bùi Thiên Bảo						
6	006	25TQ1E_07	Phạm Hoàng Gia Bảo						
7	007	25TQ1D_06	Đình Phạm Thanh Bình						
8	008	25TQ1B_08	Huỳnh Thế Cường						
9	009	25TQ1D_07	Nguyễn Chí Cường						
10	010	25TQ1D_08	Võ Duy Cường						
11	011	25TQ1D_09	Huỳnh Thanh Danh						
12	012	25TQ1B_13	Nguyễn Hữu Tấn Đạt						
13	013	25TQ1E_11	Nguyễn Thành Được						
14	014	25TQ1A_06	Nguyễn Nhật Duy						
15	015	25TQ1F_08	Phạm Trần Nhật Duy						
16	016	25TQ1F_11	Nguyễn Nhật Hào						
17	017	25TQ1D_13	Phan Nhật Hào						
18	018	25TQ1B_17	Võ Anh Hào						
19	019	25TQ1B_19	Lê Văn Nhật Hòa						
20	020	25TQ1D_15	Nguyễn Tiến Hoài						
21	021	25TQ1B_23	Đào Duy Hùng						
22	022	25TQ1B_24	Đỗ Văn Kha						
23	023	25TQ1D_16	Hứa Vũ Khang						
24	024	25TQ1D_18	Nguyễn Phúc Khang						
25	025	25TQ1F_16	Võ Duy Khang						
26	026	25TQ1D_19	Ngô Duy Khanh						
27	027	25TQ1E_23	Nguyễn Anh Khoa						
28	028	25TQ1A_13	Hồ Đăng Khôi						
29	029	25TQ1C_12	Nguyễn Phan Trường Khôi						
30	030	25TQ1C_15	Lê Anh Kiệt						
31	031	25TQ1D_23	Nguyễn Tuấn Kiệt						
32	032	25TQ1E_28	Ninh Tuấn Kiệt						
33	033	25TQ1B_27	Trần Anh Kiệt						
34	034	25TQ1E_29	Vòng Nguyễn Phê Lê						
35	035	25TQ1B_28	Nguyễn Xuân Lộc						

36	036	25TQ1D_26	Phùng Xuân	Lộc						
37	037	25TQ1F_19	Huỳnh Nguyễn Tấn	Lợi						
38	038	25TQ1A_22	Lê Trọng	Nghĩa						
39	039	25TQ1E_30	Lê Chí	Nhân						
40	040	25TQ1B_32	Võ Phạm Trọng	Nhân						
41	041	25TQ1B_33	Trần Chí	Phong						
42	042	25TQ1E_32	Dương Gia	Phú						
43	043	25TQ1C_33	Nguyễn Nhật	Phúc						
44	044	25TQ1D_33	Lữ Minh	Quân						
45	045	25TQ1F_29	Nguyễn Cao	Quân						
46	046	25TQ1C_37	Trần Tấn	Tài						
47	047	25TQ1C_41	Phan Vĩ	Thái						
48	048	25TQ1E_37	Dương Văn Hoàng	Thắng						
49	049	25TQ1A_46	Đặng Minh	Trung						
50	050	25TQ1E_39	Dương Gia	Vĩ						
51	051	25TQ1C_51	Nguyễn Quốc	Vinh						
52	052	25TQ1B_54	Võ Tư	Ý						

Tổng số: **2756**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: . . . . .

Số bài thi: . . . . .

Số sinh vắng mặt: . . . . .

Số tờ giấy thi: . . . . .

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**

**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**CÁC SINH VIÊN/ HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI**

**DANH SÁCH HỌC SINH - SINH VIÊN DỰ THI KẾT THÚC MÔN HỌC**

Tên môn : **Kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp**

Học kỳ: 1

Khóa học : TC2025

Năm học: 2025

Bậc đào tạo : Trung cấp chính quy 1.5 năm

Phòng thi: Phòng A02

Ngày thi : 23/03/2026

Giờ thi: 18.00 Lần thi: 2

STT	SBD	Mã số	Họ và tên	Số phách	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Ghi chú
1	001	25TQ1D_22	Chung Gia Kiệt						
2	002	25TQ1C_22	Nguyễn Hồng Ngoan						
3	003	25TQ1D_35	Nguyễn Hồ Hoài Sang						
4	004	25TQ1A_34	Hồ Lê Tuấn Tài						
5	005	25TQ1F_43	Nguyễn Hoàng Triệu Vỹ						

Tổng số: **30**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 20...*

Số sinh viên có mặt: .....

Số bài thi: .....

Số sinh vắng mặt: .....

Số tờ giấy thi: .....

**Giám thị 1**

**Giám thị 2**

**Duyệt**

**Trưởng khoa**

**Thư ký khoa**

**CÁC SINH VIÊN/ HỌC SINH ĐEM THEO THẺ HỌC SINH HOẶC GIẤY TỜ TÙY THÂN KHI VÀO PHÒNG THI**